TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Đức và bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Y HLam, Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/01/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại huyện M, tỉnh Gia Lai nhưng do làm ăn thất bại nên chuyển xuống thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không phù hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh D ham chơi, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình nên cuộc sống hôn nhân thực sự không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân phần ai nấy sống,

không còn tình cảm gì với nhau nữa nên nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/6/2011 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/8/2014, hiện nay hai cháu K và P đang sống với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho một con đến khi con thành niên và tự lập được. Bản thân chị làm dịch vụ tiệc cưới, công việc và thu nhập ổn định nên có điều kiện nuôi con đầy đủ hơn anh D.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị A trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Giữa hai bên có mâu thuẫn, không thể duy trì cuộc sống chung nữa nên chị xin ly hôn với anh D. Về con chung: Nguyện vọng của chị là được nuôi cả hai con nhưng hiện nay anh D đã chuyển trường cho cháu P lên M học, cháu P đang sống với anh D nên chị đồng ý mỗi người nuôi một con, chị A nuôi cháu K, anh D nuôi cháu P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2]. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Mỹ A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/01/2010. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh ham chơi, không lo cho vợ con. Anh D đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian hai tháng để sửa chữa lỗi lầm, hàn gắn tình cảm vợ chồng chứ anh không đồng ý ly hôn.

[3]. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/10/2022 các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Mỹ A (Bản sao chứng thực); 02 Giấy xác nhận thông tin cư trú (Bản chính); 02 Giấy khai sinh (Bản sao). Các tài liệu do bị đơn cung cấp:01 Bản tự khai ngày 11/10/2022; 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D (Bản pho to). Các tài liệu do Tòa án thu thập gồm: 01 biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Gia P và 01 biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Gia K; 01 bản tự khai của cháu Nguyễn Gia P ngày 12/01/2023; 02 biên bản xác minh ngày 12/01/2023.

[4]. Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều

84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A, xử cho chị A và anh D được ly hôn. Về con chung: Giao cho chị A trực tiếp nuôi con Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/8/2014 và giao cho anh D trực tiếp nuôi con Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/6/2011, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết việc ly hôn là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 11/01/2010. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ A: Chị A cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do không phù hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Anh D ham chơi, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình nên cuộc sống hôn nhân thực sự không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân nhau, phần ai nấy sống từ năm 2022. Còn anh D thì cho rằng anh đã sửa chữa sai lầm, vẫn còn tình cảm với chị A, mong vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng chị A, anh D đã có xích mích với nhau do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã với nhau dẫn đến ly thân, phần ai nấy sống. Mặc dù trong thời gian Tòa án giải quyết anh D yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ lại, cùng nhau nuôi con nhưng anh D không thể hiện được thiện chí của mình cũng không có biện pháp khắc phục nên chị A không còn tin tưởng ở anh D nữa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là xin được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh D như vậy là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: Chị A và anh D có 02 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/6/2011 và Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/8/2014, hiện nay cháu K đang sống với chị A, cháu P sống với anh D.

Xét yêu cầu của chị A và anh D là được trực tiếp nuôi các con cho đến lúc trưởng thành: Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu K đang sống với chị A, cháu P đang sống với anh D. Chị A và anh D hai bên đều nuôi con đầy đủ, có đủ điều kiện chăm sóc, đảm bảo quyền lợi để con phát triển mọi mặt, nguyện vọng của cháu P là xin được ở với anh D. Vì vậy không cần xáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của các cháu nên giao cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu P là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh D không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Văn D khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Trong vụ án này chị Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A. Chị Nguyễn Thị Mỹ A được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ A trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Gia K, sinh ngày 31/8/2014; Giao cho anh D trực tiếp nuôi con Nguyễn Gia P, sinh ngày 02/6/2011 khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị A và anh D không bên nào có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp

nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Mỹ A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004165 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị A đã nộp đủ án phí.

4. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2023) đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã E, huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Yến Ngọc